

Số: 12/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 26/02/2024

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Đào;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Huy Trụ

2. Ông Đỗ Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trung Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Đỗ Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 504/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1988

Bị đơn: Anh Phạm Thành B, sinh năm 1981

Đều ĐKKHKT: Tổ B, khu C, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thành B tự so tìm hiểu, có tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/02/2007 tại UBND phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Sau khi cưới hai anh chị về sống chung cùng gia đình anh B khoảng 6 đến 7 năm thì vợ chồng làm nhà ra ở riêng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B nghiện ma túy đã phải đi cai nghiện, sau khi đi cai về anh B lại nghiện rượu chửi bới đánh đập chị nhiều năm nay, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh B không thay đổi. Đến đầu năm 2023 vợ chồng mâu thuẫn, chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ đầu năm 2023 cho đến nay. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là cháu Phạm Minh K, sinh ngày 02/01/2008 và cháu Phạm Vân A, sinh ngày 11/4/2016. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh B đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Thành B vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, triệu tập hợp lệ anh B nhiều lần nhưng anh B vẫn vắng mặt không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của anh B và không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, chính quyền địa phương có cung cấp như sau: Chị Lê Thị H và anh Phạm Thành B đăng ký kết hôn ngày 13/02/2007 tại UBND phường M, thành phố V tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị H và anh B về sống chung cùng gia đình anh B tại tổ B, khu C, Phường Minh P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, được khoảng 6 đến 7 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B đi làm ăn xa, chị H ở nhà làm tóc, anh B hay say rượu, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị H đã về nhà ở từ tháng 7/2023 cho đến nay. Chị H và anh B có 02 con chung là cháu Phạm Minh K và cháu Phạm Vân A, hiện nay cháu K đang ở với gia đình anh B còn cháu A ở với chị H. Hiện nay anh B đi làm tại huyện C, hai đến ba ngày hoặc 1 tuần anh B về nhà 1 lần. Nay chị H xin ly hôn anh B chính quyền địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Phùng Thị Đ (mẹ đẻ anh B) bà Đ có trình bày như sau: Bà có cho anh B và chị H kết hôn với nhau năm 2007, sau khi kết hôn anh B và chị H về sống chung cùng gia đình bà khoảng 6 đến 7 năm thì vợ chồng ra ở riêng, làm nhà trên đất gia đình bà cho. Quá trình anh B, chị H chung sống hòa thuận đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh B đi làm ăn xa, vợ chồng cãi nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có những lúc anh B uống rượu say vợ chồng lại cãi nhau. Chị H đã về nhà ở từ tháng 7 âm lịch cho đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó. Chị H và anh B có 02 con chung là cháu Phạm Minh K và cháu Phạm Vân A. Hiện nay anh B đi làm tại huyện C thỉnh thoảng về nhà. Nay chị H xin ly hôn anh B, bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Nếu không hòa giải được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 19; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, chị Lê Thị H được ly hôn anh Phạm Thành B.

- Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung là cháu Phạm Minh K, sinh ngày 02/01/2008 và cháu Phạm Vân A, sinh ngày 11/4/2016.

Giao cháu K cho anh B, giao cháu A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng : Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H là đề nghị được ly hôn với anh Phạm Thành B. Anh B ĐKKTT tại tổ B, khu C, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên yêu cầu khởi kiện của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Thành B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh B không đến Tòa án để làm việc nên tòa án không lấy được lời khai, quan điểm giải quyết vụ án của anh B.

Tại phiên tòa hôm nay anh B vắng mặt lần thứ hai không lý do, dù anh B đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh B là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về Nội Dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Phạm Thành B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/02/2007 tại UBND phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đây là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Khi ly thân không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B nghiện ma túy và nghiện rượu chửi bới đánh đập chị đã nhiều năm nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng

không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Tòa án đã tổng đặt hợp lệ nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa nên Tòa án không lấy được lời khai của anh B. Nhưng qua xác minh tại khu dân cư và chính quyền địa phương, lời khai của bà Đào m để anh B cũng xác định chị H và anh B có mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do anh B đi làm ăn xa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh B hay say rượu nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã báo gọi triệu tập anh B đến Tòa án để làm việc để Tòa án tiến hành hòa giải cho anh chị có cơ hội được đoàn tụ với nhau nhưng anh B vắng mặt không lý do, từ bỏ quyền được trình bày tại Tòa án, không thực hiện nghĩa vụ của người công dân. Điều này chứng tỏ anh B không có thiện chí muốn vợ chồng được đoàn tụ với nhau.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, chị H đề nghị xin ly hôn với anh B là có căn cứ để chấp nhận nên xử cho chị H được ly hôn với anh B là phù hợp với Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình

[3] Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung là cháu Phạm Minh K, sinh ngày 02/01/2008 và cháu Phạm Vân A, sinh ngày 11/4/2016. Khi ly hôn chị H xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh B phải đóng góp nuôi con. Tại đơn đề nghị ngày 15/11/2023 cháu K có nguyện vọng xin ở với bố, cháu A xin ở với mẹ. Nhưng anh B không đến Tòa nên không có lời khai của anh B, anh B đã từ bỏ quyền lợi của mình. Vì vậy yêu cầu của chị H xin được nuôi cả hai con là có căn cứ chấp nhận nên xử giao cho chị H được trực tiếp nuôi cả hai cháu là Phạm Minh K và cháu Phạm Vân A.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[4] Về tài sản chung, về vay nợ chung và công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Phạm Thành B.

2. Về con chung: Giao cháu **Phạm Minh K**, sinh ngày 02/01/2008 và cháu **Phạm Vân A**, sinh ngày 11/4/2016 cho chị **Lê Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Anh **Phạm Thành B** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **H**, do chị **H** không yêu cầu.

Anh **B** có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, về vay nợ chung và công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Lê Thị H** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị **H** đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0005678 ngày 15/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9, 9a Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Việt Trì;
- CCTHADS thành phố Việt Trì;
- UBND phường Minh Phương;
- Lưu HS-VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Đào